

Bản án số: 59/2019/DS-ST

Ngày 21/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lũy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hương Thủy.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2018/TLST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2019/QĐ- HPT ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X;

Trụ sở: Đường X, Quận Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Văn G

Văn bản ủy quyền số 7368/2019/UQ-VPB ngày 07/3/2019.

Bị đơn: Ông Lê Quang K, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 2 Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K, bà H vắng mặt, ông G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Bùi Văn G là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X tuy vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Ngân hàng TMCP X- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Quang K đã ký với nhau 01 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389. Theo đó, Ngân hàng TMCP X sẽ cho ông Lê Quang K vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Mức lãi suất được ấn định tại Điều 2 của Hợp đồng. Sau khi vay, thời gian ban đầu ông Lê Quang K có trả tiền vốn gốc cũng như lãi suất đầy đủ. Tuy nhiên về sau thì trả trễ và thậm chí không trả. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Lê Quang K không khắc phục. Tính đến thời điểm hiện nay, ông Lê Quang K còn nợ vốn là 421.009.971 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2019 là 431.302.742 đồng, tổng cộng là 852.312.713 đồng. Ông đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử buộc ông Lê Quang K và vợ là bà Phạm Thị Minh H cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 852.312.713 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông Lê Quang K và vợ là bà Phạm Thị Minh H chậm trả hoặc trả không đầy đủ thì ông Lê Quang K và vợ là bà Phạm Thị Minh H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận được nêu trong hợp đồng và thời gian được tính là ngày 22 tháng 10 năm 2019 trên số tiền chưa thanh toán;

Bị đơn đơn ông Lê Quang K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Minh H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không có thu thập được lời khai;

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Ngọc Bích kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Vụ án trên đã được Toà án nhân dân Quận 2 thụ lý và giải quyết đúng theo trình tự mà Bộ luật tố tụng đã qui định. Nhưng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử có vi phạm, cần rút kinh nghiệm;

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và chứng minh công khai tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP X và ông Lê Quang K và bà Phạm Thị Minh H là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện. Bị đơn cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2;

[2] Căn cứ vào địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng đều không thấy bị đơn đến Tòa. Qua xác minh tại Công an phường An Phú, Quận 2 thì được biết bị đơn không còn cư trú Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và đi đâu không rõ. Căn cứ vào địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng thì bị đơn cư trú Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt bị đơn theo địa chỉ đã ghi trong hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do thực tế bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ trên, nên Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã đăng thông báo về nội dung vụ án, thông báo triệu tập bị đơn trong ba số liên tiếp của Báo Lao động, trang Thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh và phát thanh trong ba ngày liên tiếp trên Đài Tiếng nói Việt Nam, triệu tập bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 để cung cấp lời khai, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện; tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/9/2019 và 26/9/2019. Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H vắng mặt lần 2 tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xét xử lần 1 vào ngày 14/10/2019 nhưng ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 ngày hôm nay, ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt. Vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là không trái quy định tại Điều 180, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và ông Lê Quang K, về phía người vay chỉ ghi tên chỉ có 01 người là ông Lê Quang K, không có tên bà Phạm Thị Minh H, Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà Phạm Thị Minh H cùng có

trách nhiệm trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 chỉ có chữ ký của ông Lê Quang K, không có chữ ký của bà Phạm Thị Minh H, tuy nhiên căn cứ vào biên bản xác nhận nhu cầu vay vốn lập ngày 16 tháng 11 năm 2015 có xác nhận của cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP X đã cho thấy tất cả các tài sản trên đều có mục đích sử dụng trong gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải đưa bà Phạm Thị Minh H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật;

2. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày cũng như yêu cầu của ông Bùi Văn Giáp là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X, Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Lê Quang K và vợ là bà Phạm Thị Minh H cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 852.312.713 đồng, trong đó vốn gốc là 421.009.971 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2019 là 431.302.742 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông Lê Quang K và bà Phạm Thị Minh H chậm trả hoặc trả không đầy đủ thì ông Lê Quang K và bà Phạm Thị Minh H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận được nêu trong hợp đồng và thời gian được tính lãi là ngày 22 tháng 10 năm 2019 trên số tiền chưa thanh toán, về yêu cầu của Ngân hàng TMCP X, Hội đồng xét xử xét:

[1] Ngân hàng TMCP X đã tiến hành thủ tục đăng thông báo về việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H và việc triệu tập của Tòa án đối với ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H đến Tòa cung cấp lời khai, tham dự các phiên họp, phiên tòa nhưng ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H không có văn bản phản đối nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng TMCP X đưa ra.

[2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 và các giấy tờ về việc giải ngân thì cho thấy ông Lê Quang K đã vay trả góp của Ngân hàng TMCP X với số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 13.5%/năm, mức lãi suất này được điều chỉnh qua từng thời kỳ. Trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ có chữ ký của ông Lê Quang K. Do đó đã có cơ sở kết luận ông Lê Quang K có vay tiền của Ngân Hàng. Ông Lê Quang K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X với

số tiền vốn gốc là 421.009.971 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận;

[3] Đối với số tiền nợ lãi: Ngày 01/10/2017 do ông Lê Quang K vi phạm nghĩa vụ thanh toán kỳ đóng của tháng 10/2017 nên ngày 01/01/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% nợ trong hạn, và mức lãi suất này được điều chỉnh qua từng thời kỳ, căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng, tiền lãi trong hạn là 431.302.742 đồng, tổng tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và mức lãi suất này được điều chỉnh qua từng thời kỳ. Do đó, Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Lê Quang K và bà Phạm Thị Minh H phải trả tổng số tiền lãi quá hạn đến ngày 21/10/2019 là 431.302.742 đồng, là có cơ sở Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Kể từ ngày 22/10/2019 bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

[4] Về thời gian trả nợ, căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 và các giấy tờ về việc giải ngân thì cho thấy ông Lê Quang K đã vay trả góp của Ngân hàng TMCP X với số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2015 đến ngày 17 tháng 11 năm 2020. Tuy nhiên trong quá trình thanh toán nợ, ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H đã vi phạm thỏa thuận trong việc thanh toán vốn gốc cũng như tiền lãi. Căn cứ vào Điều 8 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 mà hai bên đã ký, Ngân hàng đã khởi kiện ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H để thu hồi nợ trước thời hạn là không trái với quy định. Ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng từ đó đã làm ảnh hưởng đến lợi ích của Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H phải trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở không trái pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận;

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hôm nay về tố tụng cần phải rút kinh nghiệm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung vụ án, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là có cơ sở;

Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 121, 122, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc yêu cầu ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H có nghĩa vụ trả nợ đã vay.

Buộc ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2019 là 852.312.713 (Tám trăm năm mươi hai triệu, ba trăm mười hai ngàn, bảy trăm mười ba) đồng, trong đó nợ gốc là 421.009.971 (Bốn trăm hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ chín ngàn, chín trăm bảy mươi mốt) đồng và tiền lãi là 431.302.742 (Bốn trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm bốn mươi hai) đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 mà hai bên đã ký.

Các bên thi hành tại Cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Trường hợp ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2019 cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5284389 ngày 17/11/2015 mà hai bên đã ký;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ ông Lê Quang K, bà Phạm Thị Minh H phải chịu là 37.569.381 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.513.548 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015468 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q2;
- Chi Cục THADS Q2;
- Các đương sự;
- Lưu (P/10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Lũy